

SỞ GD&ĐT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT LỘC THÁI

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A10
NĂM HỌC 2026 - 2027

Môn học lựa chọn: Địa, GDKTPL, Lí, Hóa

Chuyên đề học tập: Lí, Hóa, Sử

STT	STT TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	ĐTB Toán lớp 9	ĐTB Ngữ văn lớp 9	ĐTB Tiếng Anh lớp 9	NV1	Ghi chú
1	212	Lê Nguyễn Xuân Long	05/12/2011	10A10	9.4	7.6	7.6	Sử-GDKT&PL	
2	209	Nguyễn Hoàng Thắng	26/01/2011	10A10	9.3	7.2	8	Sử-GDKT&PL	
3	141	Đinh Thị Như Quỳnh	31/07/2010	10A10	8.5	7.8	8	Sử-GDKT&PL	
4	99	Nguyễn Phương Thảo	27/09/2011	10A10	8.4	8.4	7.6	Sử-GDKT&PL	
5	153	Thái Thụy Thiên Vân	27/04/2011	10A10	8.2	7.7	7.4	Sử-GDKT&PL	
6	110	Phạm Thanh Thùy	13/01/2011	10A10	8.2	8.6	8	Sử-GDKT&PL	NV2
7	273	Lưu Thị Thanh Huyền	11/07/2011	10A10	8.1	5.8	7.3	Sử-GDKT&PL	
8	47	Trương Thục Nhiên	18/03/2011	10A10	7.8	7.9	9.6	Sử-GDKT&PL	NV2
9	320	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	09/11/2011	10A10	7.8	5.6	6.2	Sử-GDKT&PL	NV2
10	176	Đỗ Phạm Anh Phương	09/12/2011	10A10	7.7	6.8	6.6	Sử-GDKT&PL	
11	395	Lê Kim Song Thư	06/02/2011	10A10	7.6	6.1	7	Sử-GDKT&PL	NV2
12	171	Hoàng Thục Quyên	12/09/2011	10A10	7.3	6.6	6.5	Sử-GDKT&PL	
13	226	Nguyễn Huỳnh Phương Anh	30/03/2011	10A10	7.1	7.3	6.9	Sử-GDKT&PL	NV2
14	341	Điền Tấn Sang	18/05/2011	10A10	7.1	5.6	6.4	Sử-GDKT&PL	NV2
15	177	Quảng Thanh Lam	09/05/2011	10A10	7	7.5	6.7	Sử-GDKT&PL	
16	220	Nguyễn Thủy Tiên	07/06/2011	10A10	7	6.8	7.3	Sử-GDKT&PL	
17	133	Hồ Thị Kim Phượng	29/11/2011	10A10	7	6.7	6.5	Sử-GDKT&PL	NV2
18	297	Lâm Sa Át	24/11/2010	10A10	7	8	7	Sử-GDKT&PL	
19	210	Lê Minh Quảng	24/05/2011	10A10	6.9	5.8	6.4	Sử-GDKT&PL	NV2
20	282	Trần Lê An Khang	10/05/2011	10A10	6.9	6.2	7.3	Sử-GDKT&PL	NV2
21	344	Trần Phương Bảo Yên	29/08/2011	10A10	6.8	5.5	6.4	Sử-GDKT&PL	NV2
22	90	Đỗ Ngô Hoàng Bảo Ngọc	05/01/2011	10A10	6.6	6.8	8	Sử-GDKT&PL	NV3
23	354	Nguyễn Thành Vũ	20/06/2011	10A10	6.5	6.5	6.5	Sử-GDKT&PL	
24	324	Nguyễn Thị Thảo Như	11/09/2011	10A10	6.4	5.3	7.1	Sử-GDKT&PL	
25	250	Nguyễn Trường Nhật Nam	17/10/2011	10A10	6.4	6	6.5	Sử-GDKT&PL	NV2

26	307	Hoàng Bảo Khang	30/07/2011	10A10	6.4	5.7	6.1	Sử-GDKT&PL	NV2
27	325	Nguyễn Lê Minh Thư	30/11/2011	10A10	6.3	5.7	5.7	Sử-GDKT&PL	NV2
28	334	Lâm Thị Mỹ Thơ	29/10/2011	10A10	6	5.9	6.4	Sử-GDKT&PL	NV3
29	265	Nguyễn Thiện Tâm	26/12/2011	10A10	5.9	6.3	7.6	Sử-GDKT&PL	NV3
30	336	Đỗ Giáp Ngọ	26/11/2011	10A10	5.8	5.9	6.8	Sử-GDKT&PL	
31	228	Nguyễn Thị Bảo Thi	26/07/2011	10A10	5.8	6.6	6.2	Sử-GDKT&PL	NV2
32	408	Lê Tiến Đạt	25/10/2011	10A10	5.7	5.7	6.3	Sử-GDKT&PL	NV2
33	326	Nguyễn Ngọc Tường Vy	22/10/2011	10A10	5.6	5.6	6.7	Sử-GDKT&PL	
34	355	Đặng Tường Vi	15/12/2011	10A10	5.6	7	5.7	Sử-GDKT&PL	
35	360	Nguyễn Ngọc Minh Hằng	07/02/2011	10A10	5.6	6.1	5.8	Sử-GDKT&PL	
36	197	Phạm Ngọc Trâm	03/06/2011	10A10	5.5	6.5	7.6	Sử-GDKT&PL	
37	292	Đỗ Việt Thiện	14/06/2011	10A10	5.5	5.3	5.4	Sử-GDKT&PL	NV2
38	381	Lê Phạm Hoàng Nam	06/08/2011	10A10	5.4	4.1	5.4	Sử-GDKT&PL	
39	411	Thị Hoa	23/08/2011	10A10	5.4	5.8	6.2	Sử-GDKT&PL	NV3
40	421	Trương Nguyễn Minh Kim	08/08/2011	10A10	5.3	6.4	5	Sử-GDKT&PL	
41	327	Võ Thanh Bình	24/03/2011	10A10	5	5	5	Sử-GDKT&PL	
42	373	Đinh Văn Dũng	27/12/2011	10A10	5	6.1	5.8	Sử-GDKT&PL	

Danh sách gồm có 42 học sinh